

PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN HK II
Năm học 2023-2024 (Áp dụng từ ngày 15/01/2024)
(Biên chế lớp học: Khối 6: 7 lớp; Khối 7: 5 lớp; Khối 8: 4 lớp; Khối 9: 6 lớp. **Tổng cộng: 22 lớp**)

STT	Tổ	Họ và tên	Năm sinh	Số năm công tác	Trình độ đào tạo	Phân công nhiệm vụ, giảng dạy	TS tiết thực dạy	Công tác kiêm nhiệm	TS tiết kiêm nhiệm	TS TD+KN	Ghi chú
1	Văn Phòng	Phạm Thị Dịu	1979	21	ĐHKT	Kế toán + Thiết bị		Tổ trưởng tổ VP		0	
2		Lê Thị Hương	1988	11	TC văn thư	Văn thư + Thủ quỹ				0	
3		Vũ Đình Lũy	1985	9		Bảo vệ				0	
4		Phạm Văn Duyệt	1981	3		Bảo vệ					
5		Lê Thị Phương	1993	3		Tạp vụ					
6	Ngữ văn	Lê Thị Lý	1977	25	ĐHSP Văn CĐSP Văn, Sử, Địa	Phó hiệu trưởng Ngữ văn 9.6 (5 t)	5		15	20	
7		Trần Thị Thanh Hải	1972	30	ĐHSP Văn CĐSP Văn, GDCD	Ngữ văn 9.2, 9.3 (10 t); 6.7 (4t); GDĐP	14	TT tổ văn	3	17	
8		Vũ Thị Huế	1978	25	ĐHSP Văn CĐSP Văn, Sử	Ngữ văn 9.4, 9.5 (10t); 7.5 (4t)	14	Chủ nhiệm 9.5	5	19	
9		Trần Thị Hiền	1977	23	ĐHSP Văn CĐSP Văn, KTPV	Ngữ văn 6.3, 6.4 (8t); GDCD 6.1,2,3,4,5 (5t); GDĐP	13	Chủ nhiệm 6.3	4	17	
10		Nguyễn Thị Huyền	1980	23	ĐHSP Văn CĐSP Văn, GDCD	Ngữ văn 8.2,3; (8t); GDCD K.9 (6t); GDĐP	14	Chủ nhiệm 8.3	4	18	
11		Đoàn Thị Khánh Hằng	1973	23	ĐHSP Văn CĐSP Văn - KTPV	Ngữ văn 6.1,2 (8t); Công nghệ 6.1,2,3,4 (4t); GDĐP	12	Chủ nhiệm 6.2	4	16	Trực nề nếp
12		Lê Thị Lan Anh	1976	25	ĐHSP Văn CĐSP Văn, Sử, Địa	Ngữ văn 7.1,2 (8t);.Lịch sử địa lí 6.2,3 (6t)	14	Chủ nhiệm 7.2	4	18	
13		Phạm Huy Hùng	1979	23	ĐHSP Văn CĐSP Văn, GDCD	Ngữ văn 9.1, (5t); 8.1,4 (8t); GDĐP	13	CTCĐ. Ôn thi HSG Văn 8,9	3	16	Trực nề nếp

14		Nguyễn Thị Thanh Tâm	1979	21	ĐHSP Văn CĐSP Văn, GD CD	Ngữ văn 7.3,4 (8t); GD CD 8 (4t); GDĐP	12	TKHD, Chủ nhiệm 7.4	6	18	
15		Vũ Thị Hồi	1978	23	ĐHSP Văn CĐSP Văn, KTPV	Ngữ văn 6.5,6 (8t); Công nghệ 6.5,6,7 (3t), GD CD 6.6,7 (2t); GDĐP	13	Chủ nhiệm 6.6	4	17	
16	Toán	Đinh Thị Thùy	1980	21	ĐHSP Toán CĐSP Toán, Lý	Toán 6.4,5,6 (12t); KHTN Lý 6.5(2t)	14	Chủ nhiệm 6.5	4	18	
17		Nguyễn Thị Thu Trang	1981	21	ĐHSP Toán CĐSP Toán, Tin	Toán 9.1,3; 6.7 (12t)	12	Tổ phó tổ Toán Chủ nhiệm 9.3 BCHCD. Ôn thi HSG Toán 9	6	18	
18		Nguyễn Văn Minh	1978	24	ĐHSP Toán CĐSP Toán, Lý	Toán 9.5,6 (8t); Toán 8.1.2,(8t); KHTN Lý 6.1(2t)	18			18	
19		Nguyễn Hoàng Sơn	1973	29	ĐHSP công nghệ CĐSP Toán	Toán 6.1,2,3 (12t); CN K7.2,3,4 (3t)	15			15	Trực nề nếp
20		Nguyễn Thị Tính	1979	22	ĐHSP toán CĐSP Toán, Tin	Toán 9.2,4; 8.4 (12t), Tin 6.1,2 (2t)	14	Chủ nhiệm 9.2 Ôn thi HSG Toán 8	4	18	
21		Bùi Thị Mỹ Hạnh	1977	23	ĐHSP toán CĐSP Toán, Tin	Toán 7.1,5(8t); 8.3(4t)	12	Chủ nhiệm 7.5	4	16	
22		Đinh Thị Linh Phương	1980	22	ĐHSP toán CĐSP Toán, Tin	Toán 7.2,3,4 (12t); Tin 6,3,4,5 (3t)	15	Tổ trưởng tổ Toán	3	18	
23		Đinh Thị Khánh Linh	1982	20	ĐHSP Sinh CĐSP Sinh, Hóa	Hóa 8.3,4 (2t). Sinh 7.2,3,4,5 (8t); Sinh 8.1,2,3 (3t)	13	Tổ trưởng tổ TN; Ôn thi HSG Hóa 8,9	3	16	
24		Nguyễn Thị Hồng Trang	1989	11	ĐHSP Hóa	Hóa 8.1,2; (2t); Hóa 9.1,2,3,4,5,6 (12t).	14	Chủ nhiệm 8.2	4	18	18
25		Nguyễn Xuân Liêm	1982	20	ĐHSP Lý CĐSP Lý, tin	Vật lí K.8 (8t); Lí 9.1,4(4t) Tin 7.2,3,4,5; (4T)	16	Tổ phó tổ TN, CNTT, Ôn thi HSG vật lí 8.9;	4	20	
26		Nguyễn Thị Hiền	1978	23	ĐHSP Sinh CĐSP Sinh - Hóa	KHTN Hóa 6 (7t), KHTN Sinh K6 (7t)	14			14	Trực nề nếp
27		Nguyễn Thị Luyến	1986	14	ĐHTD	TD K6 (14t); TD 8.1 (2t)	16	Phụ trách TD	2	18	
28		Nguyễn Thị Lê Na	1978	24	ĐHSP Hóa CĐSP Hóa- KTCN	KHTN (Hóa) 7 (5t)	5	Thiết bị.		19	

29	TN	Nguyễn Duy Hậu	1977	22	ĐHTD	TD K.9 (12t); TD K.8.2,3,4 (6t)	18		0	18	
30		Lê Văn Chấn	1978	21	ĐHSP Công nghệ, CĐSP Sinh - công nghệ,	TD K 7 (10t); KNTN Sinh 7.1(2t)	12	Phụ trách p. KHTN	3	15	Trực nề nếp
31		Đỗ Thị Mai Anh	1988	13	ĐHSP Công nghệ	CN 7.1,5 (2t); CN K.8 (8t); HDTNK6	10	Phụ trách p. Công nghệ.	3	17	
32		Phạm Thanh Tân	1981	20	ĐHSP Tin CĐSP Lý-Tin	KHTN (Lí) 7.1(1t); Tin 7.1; 6.6,7 (3t); Tin K.8 (4t);	8	Chủ nhiệm 7.1.Phụ trách p. tin Ôn thi HSG môn Tin; 8,9	7	15	
33		Nguyễn Thị Tuyết	1989	12	ĐHSP Lý	Lí 9.2,3,5,6 (8 t); CN K.9 (6 t) .	14	Chủ nhiệm 9.6 Ôn thi HSG Công nghệ 8,9	4	18	
34		Nguyễn Đăng Tiến	1987	12	Th.S Công nghệ sinh học ĐHSP Sinh - CNNN	Sinh K.9(12t); Sinh 8.4 (1)	13	Chủ nhiệm 9.4; Ôn thi HSG Sinh 8,9	4	17	
35		Lê Thị Kiều Chang	1989	12	ĐHSP Lý	KHTN (Lí 6.2,3,4,6,7) (10t); lí 7.2,3,4,5(4t)	14	Chủ nhiệm 6.7	4	18	
36	Anh văn	Ngô Thị Bích Nguyệt	1969	30	ĐHSP Anh	Anh 9.2,4 (4t); Anh 6.5,6,7 (9t)	13	Tổ trưởng tổ Anh	3	16	Trực nề nếp
37		Vũ Thị Phương	1980	23	ĐHSP Anh	Anh 7.3,4,5(9t); Anh 9.1,5(4t)	13	Trưởng ban TTND; Ôn Thi HSG Anh 9. Chủ nhiệm 9.1	6	19	
38		Trần Thị Kim Thành	1977	22	ĐHSP Anh	Anh 6.1,2,3,4(12t); NT (Mt)6.1,2(2t)	14	Chủ nhiệm 6.1	4	18	
39		Hoàng Thị Hải Hà	1976	21	ĐHSP Anh	Anh 9.3,6(4t); Anh 8.3,4(6t)(Mt) 6.5,6,7(3t)	13	Chủ nhiệm 8.4 HSG Anh 8	4	17	
40		Lê Thị Hương	1980	21	ĐHSP Anh	Anh 8.1,2; Anh 7.1,2 (12t) Mt; 6.3,4,(2t)	14	Chủ nhiệm 8.1	4	18	
41		Vũ Mạnh Thắng	1979	23	ĐHSP Sử, CĐSP Sử -Địa	HDTN K. 8		Tổng TPT	10	19	Trực nề nếp
42		Nguyễn Mộng Quỳnh	1978	21	ĐHSP Sử	Lịch sử và địa lí 6.4,5,6,7(12t)	12	Tổ phó tổ XH, Chủ nhiệm 6.4	5	17	

43	Xã hội	Biện Thị Liên	1977	23	ĐHSP Sử, CĐSP Sử -Địa	Lịch sử K 9 (12t);	12	Tổ trưởng tổ XH; Ôn thi HSG Lịch sử 8,9	3	15	Trực nề nếp
44		Hoàng Thị Thanh Tịnh	1980	20	ĐHSP Địa Sử	Sử và địa lí 8.1,2,3,4 (12t); Địa lí K.9 (6t)	18	Ôn thi HSG Địa, 8.9		18	
45		Trần Thị Đào	1978	23	ĐHSP Sử, CĐSP Sử -Địa	Lịch sử và địa lí K.7(15t)	15	Chủ nhiệm 7.3	4	19	
46		Trần Thị Anh	1985	16	ĐHSP Âm nhạc CĐSP Âm nhạc- Công tác đội;	Nghệ thuật (AN) 7.4,5 (2t) . Âm nhạc K8(4); K9(6t); HDTN K.6	19			19	
47		Đỗ Xuân Hạnh	1981	23	ĐHSP Địa CĐSP Sử -Địa	Lịch sử và địa lí 6.1 (3t)	3	Phổ cập, Phó CTCD	16	19	
48		Trần Thị Thanh Hải	1983	20	ĐHSP GD CD CĐSP MT, GD CD	GD CD K7 (5t) NT (MT) K.8(4t). MT K.7 (5t)	14	Ôn thi HSG GD CD 8.9		14	
49		Nguyễn Thị Hoàng Yến	1985	16	ĐHSP Địa CĐSP Địa, Nhạc	Nghệ thuật (Âm nhạc) K.6 (7t); 7.1,2,3(3t)	10	Thư viện		19	

Tân Đồng, ngày 08 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Lý